

SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La

Website: <https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/>

Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn

HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 605: 0212 3751 137; QH, KT&PTĐT: 0212 3750 700; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSHT: 0212 3851 866

HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU

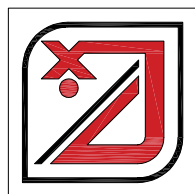
CHỦ ĐẦU TƯ: SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

DỰ ÁN: THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

HẠNG MỤC: MẪU NHÀ VỆ SINH CHUNG (NVS-01)

ĐỊA ĐIỂM XD: TỈNH SƠN LA

Sơn La, tháng 7 năm 2025



SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La

Website: <https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/>

Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn

HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 605: 0212 3751 137; QH, KT&PTĐT: 0212 3750 700; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSHT: 0212 3851 866

HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU

CHỦ ĐẦU TƯ: SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

DỰ ÁN: THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

HẠNG MỤC: MẪU NHÀ VỆ SINH CHUNG (NVS-01)

ĐỊA ĐIỂM XD: TỈNH SƠN LA

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

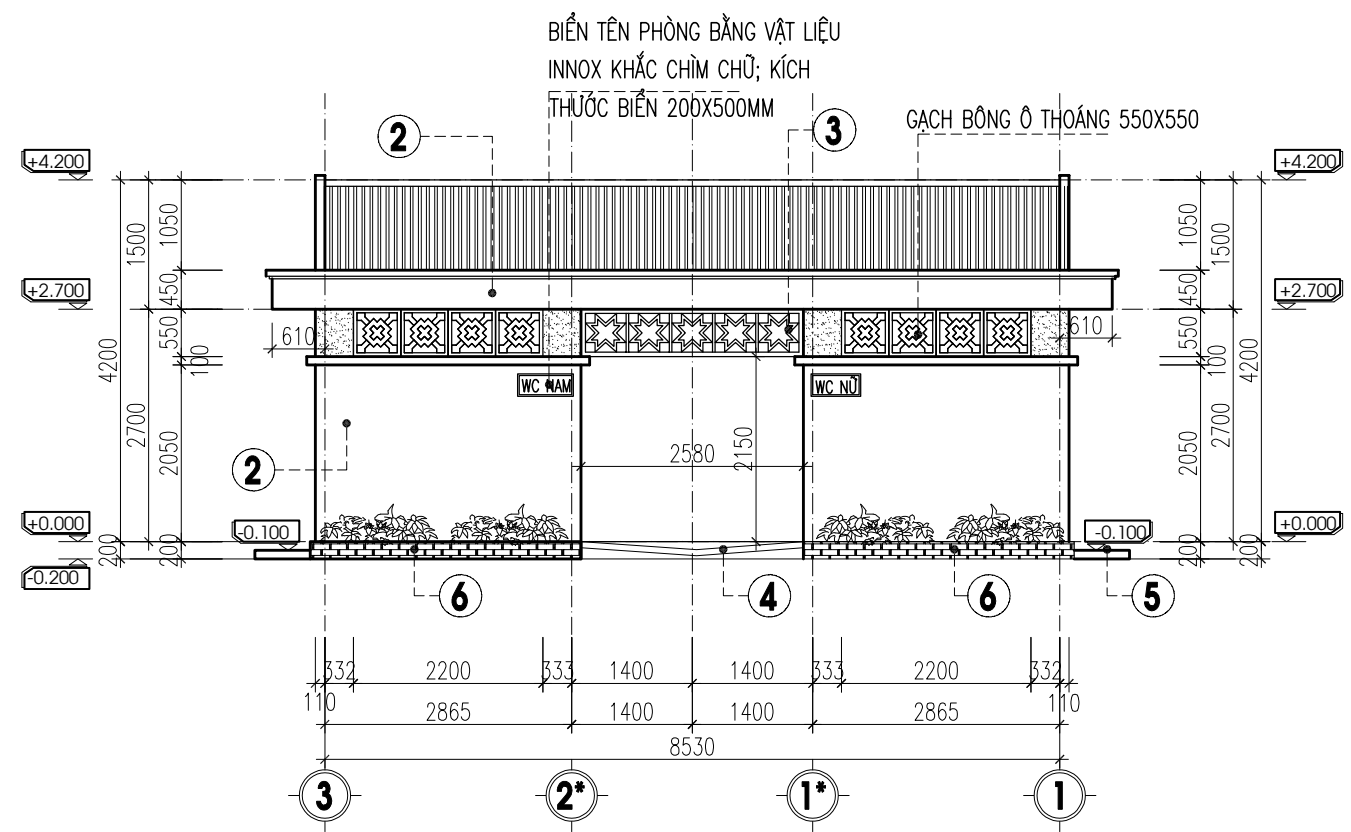
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TRUNG KIÊN

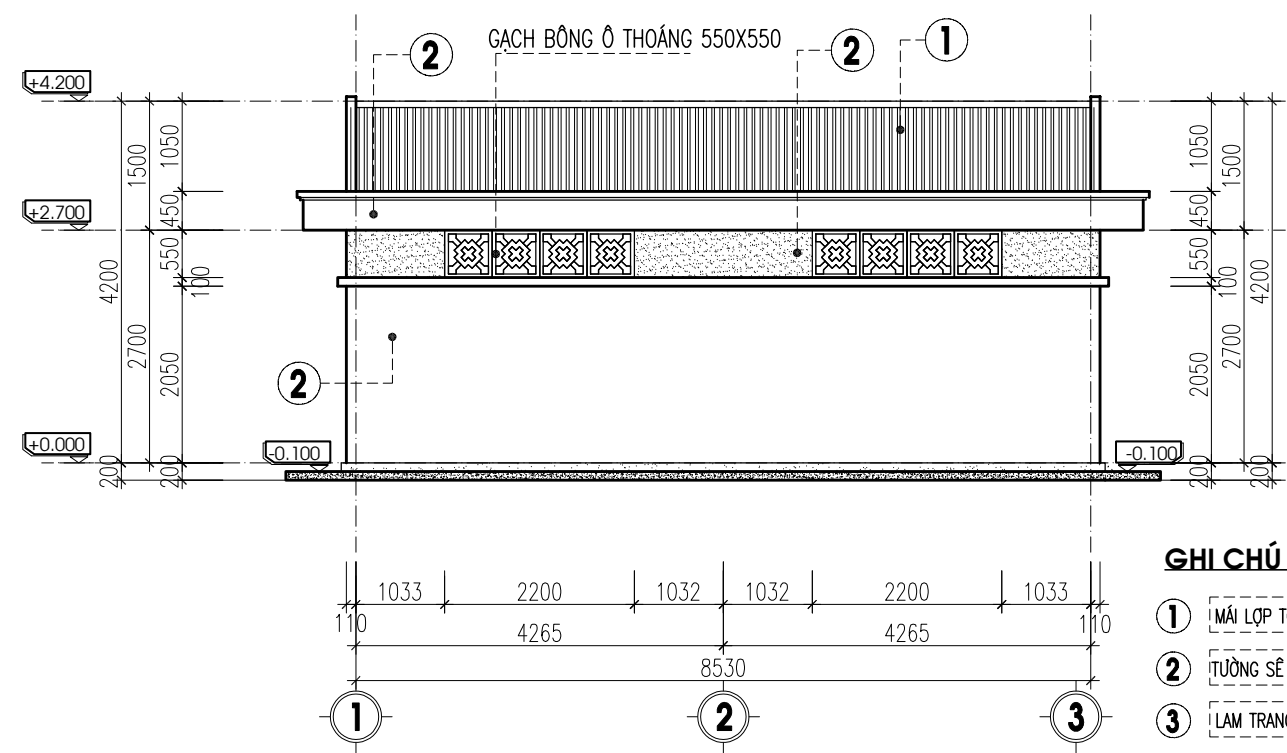
Sơn La, tháng 7 năm 2025

PHỐI CẢNH MINH HỌA

PHẦN KIẾN TRÚC

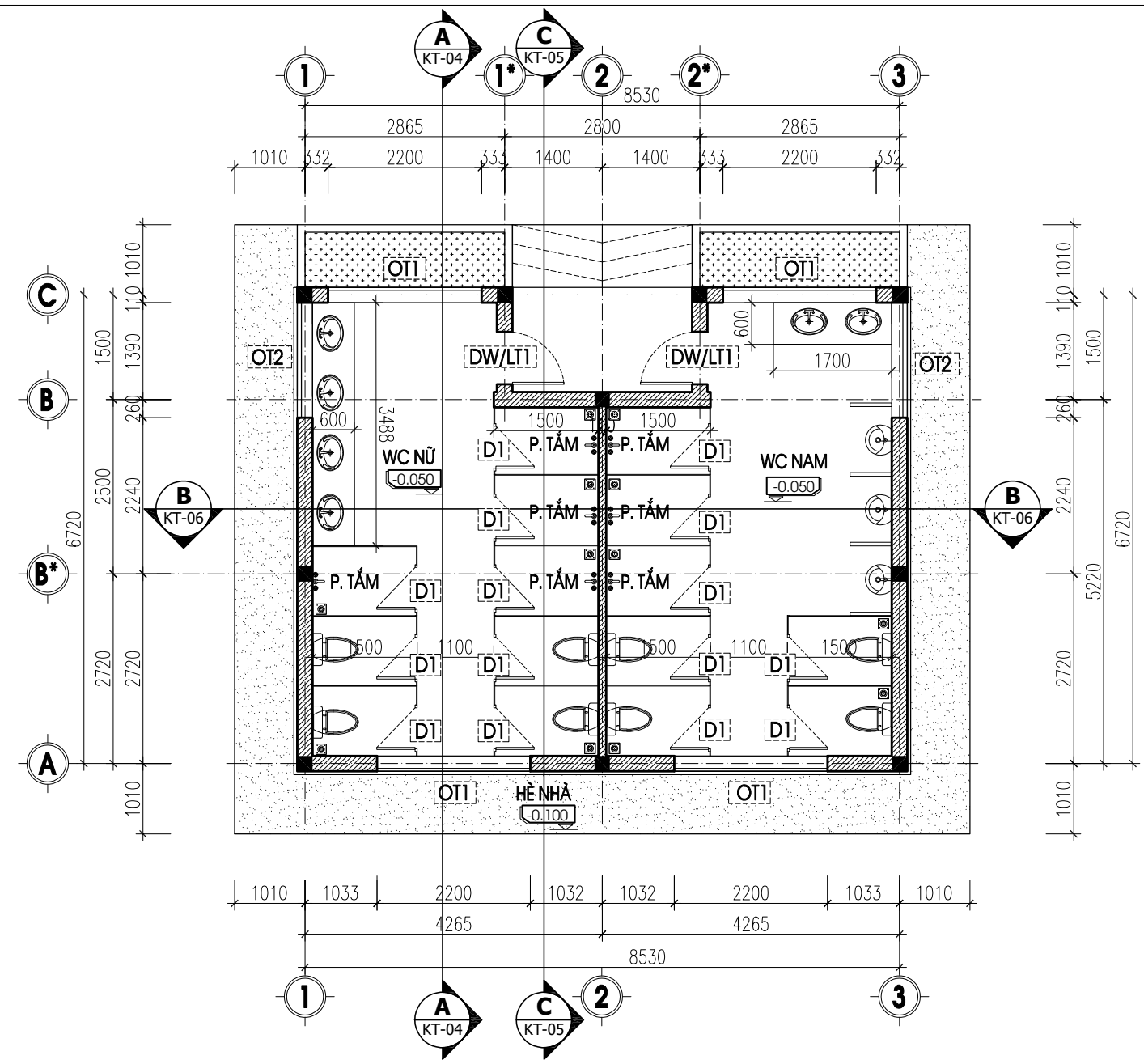


MẶT ĐÚNG TRỰC 3-1



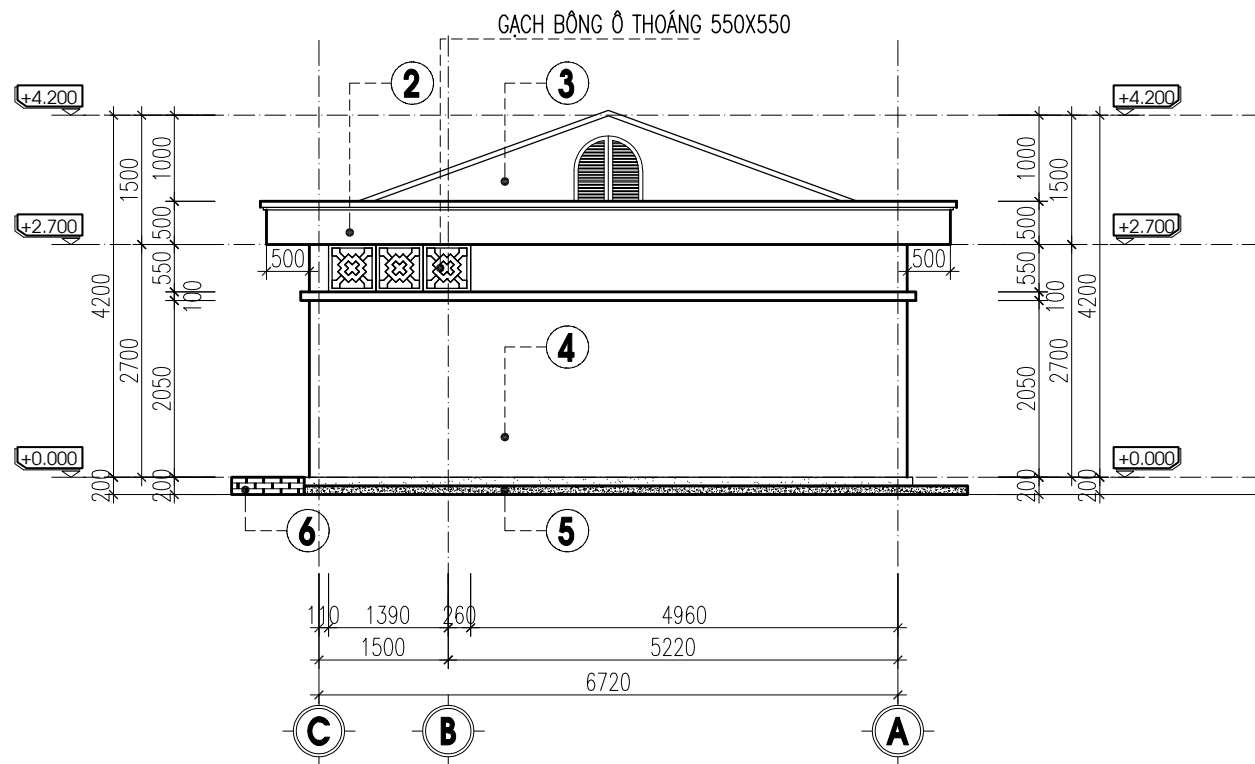
MẶT ĐÚNG TRỰC 1-3

- GHI CHÚ VẬT LIỆU:**
- 1 MÃI LỢP TÔN MÙI DÀY 0.4MM
 - 2 TƯỜNG SÊ NÔ MÃI LĂN SƠN 3 NƯỚC MÀU VÀNG KEM
 - 3 LAM TRANG TRÍ BẰNG HỘP INNOX
 - 4 ĐƯỜNG LÊN ỐP GẠCH BÊ TÔNG GIÀ ĐÁ KT 400X400
 - 5 HẸ NHÀ ĐỒ BÊ TÔNG ĐÁ 2X4
 - 6 BÓN TRỒNG CÂY XANH

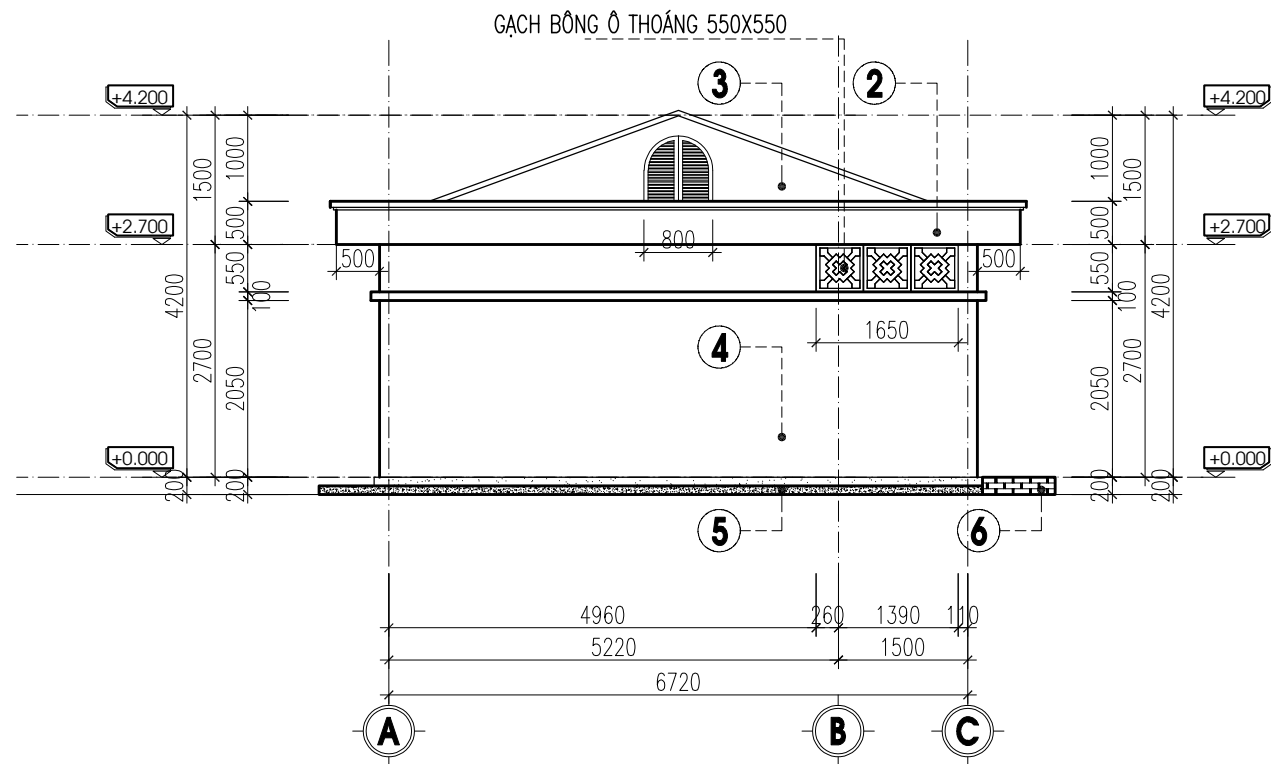


MẶT BẰNG NHÀ VỆ SINH

 SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email:



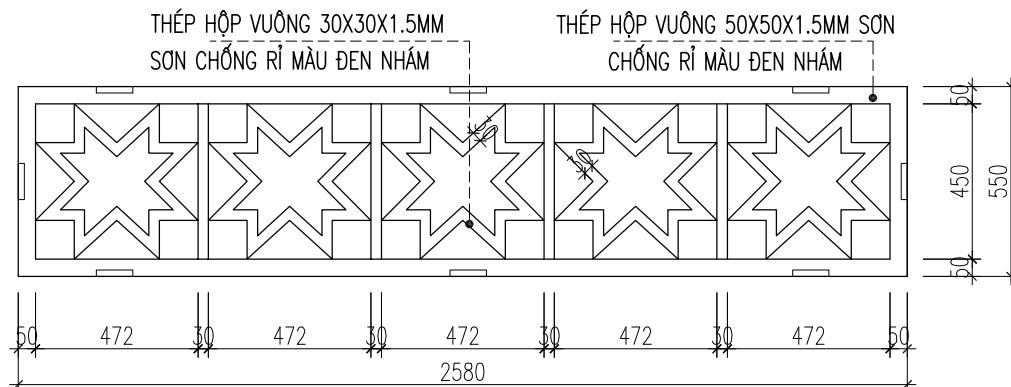
MẶT ĐỨNG TRỰC C-A



MẶT ĐỨNG TRỰC A-C

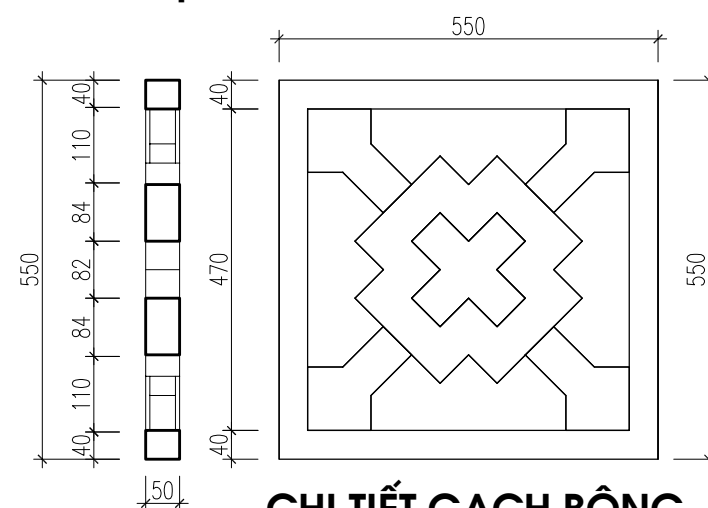
GHI CHÚ VẬT LIỆU:

- MÁI LỢP TÔN MÚI DÀY 0.4MM
- TƯỜNG SÊ NÔ MÁI LẤN SƠN 3 NƯỚC MÀU VÀNG KEM
- LAM TRANG TRÍ BẰNG HỘP INNOX
- ĐƯỜNG LÊN ỐP GẠCH BÊ TÔNG GIÃ ĐÁ KT 400X400
- HÈ NHÀ ĐỔ BÊ TÔNG ĐÁ 2X4
- BỒN TRỒNG CÂY XANH
- CHỈ TƯỜNG LẤN SƠN 3 NƯỚC MÀU TRẮNG



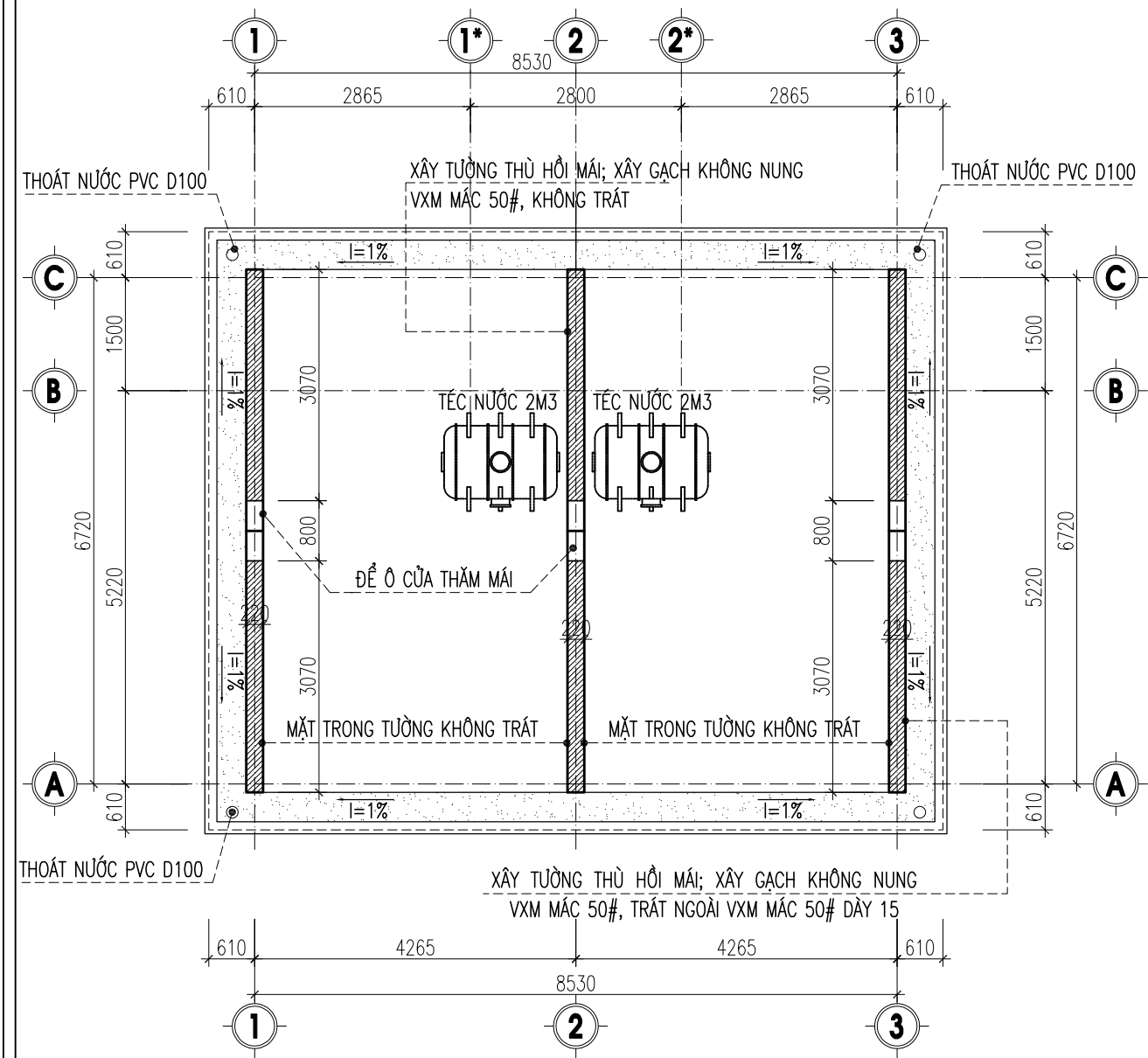
CHI TIẾT HOA VĂN - H1

- TỔNG CHIỀU DÀI HỘP 50X50X1.5MM.....6.26M;
- TỔNG CHIỀU DÀI HỘP 30X30X1.5MM.....11M.
- KE GÓC VUÔNG.....8 CÁI;
- VÍT BẮN TƯỜNG.....32 CÁI.

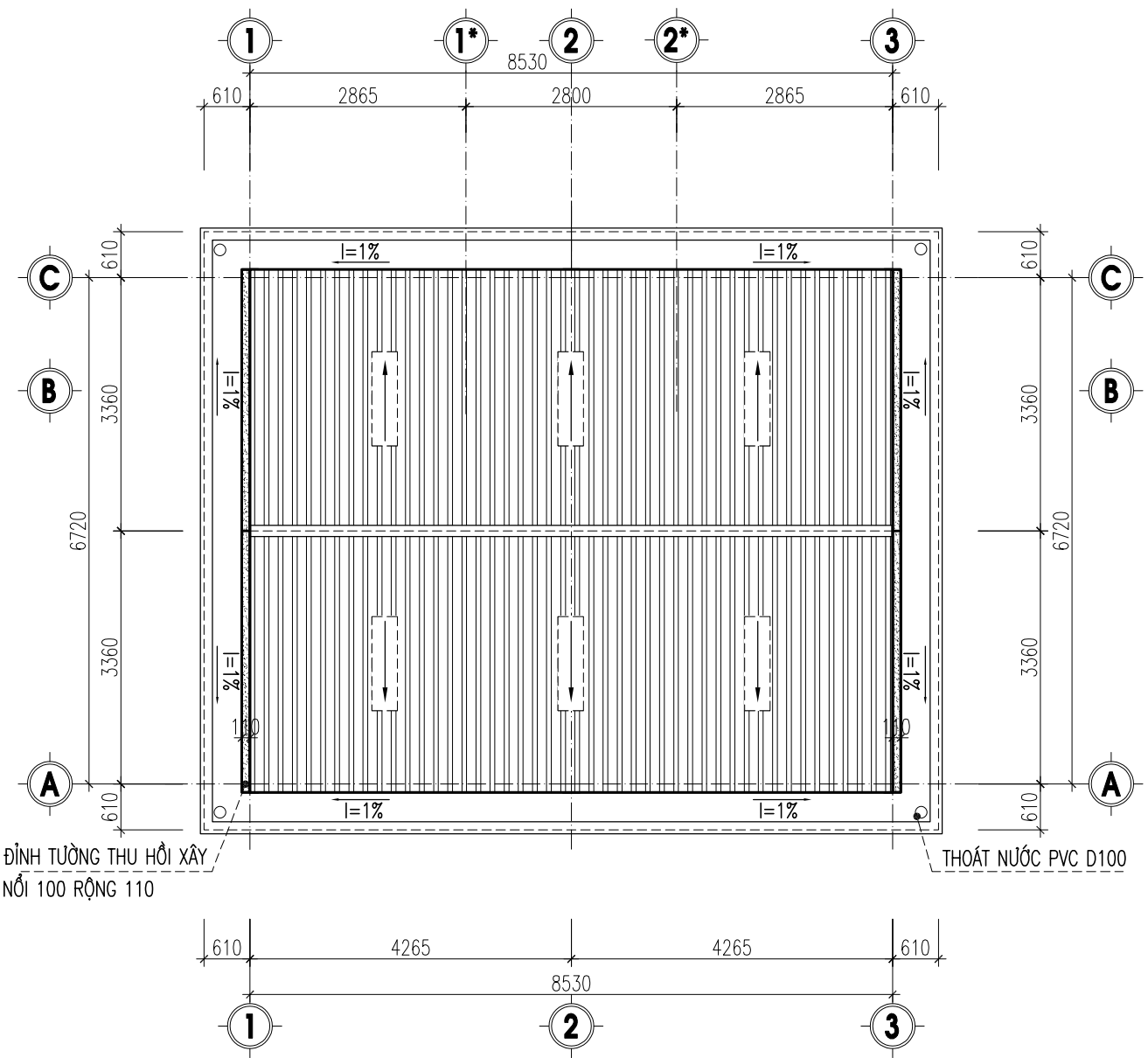


CHI TIẾT GẠCH BÔNG

(CÓ THỂ DÙNG GẠCH CÓ KÍCH THƯỚC TƯƠNG TỰ)
(TỔNG SỐ LƯỢNG TOÀN NHÀ: 22 CẤU KIỆN



MẶT BẰNG XÂY TƯỜNG THU HỒI MÁI;
THOÁT NƯỚC MÁI



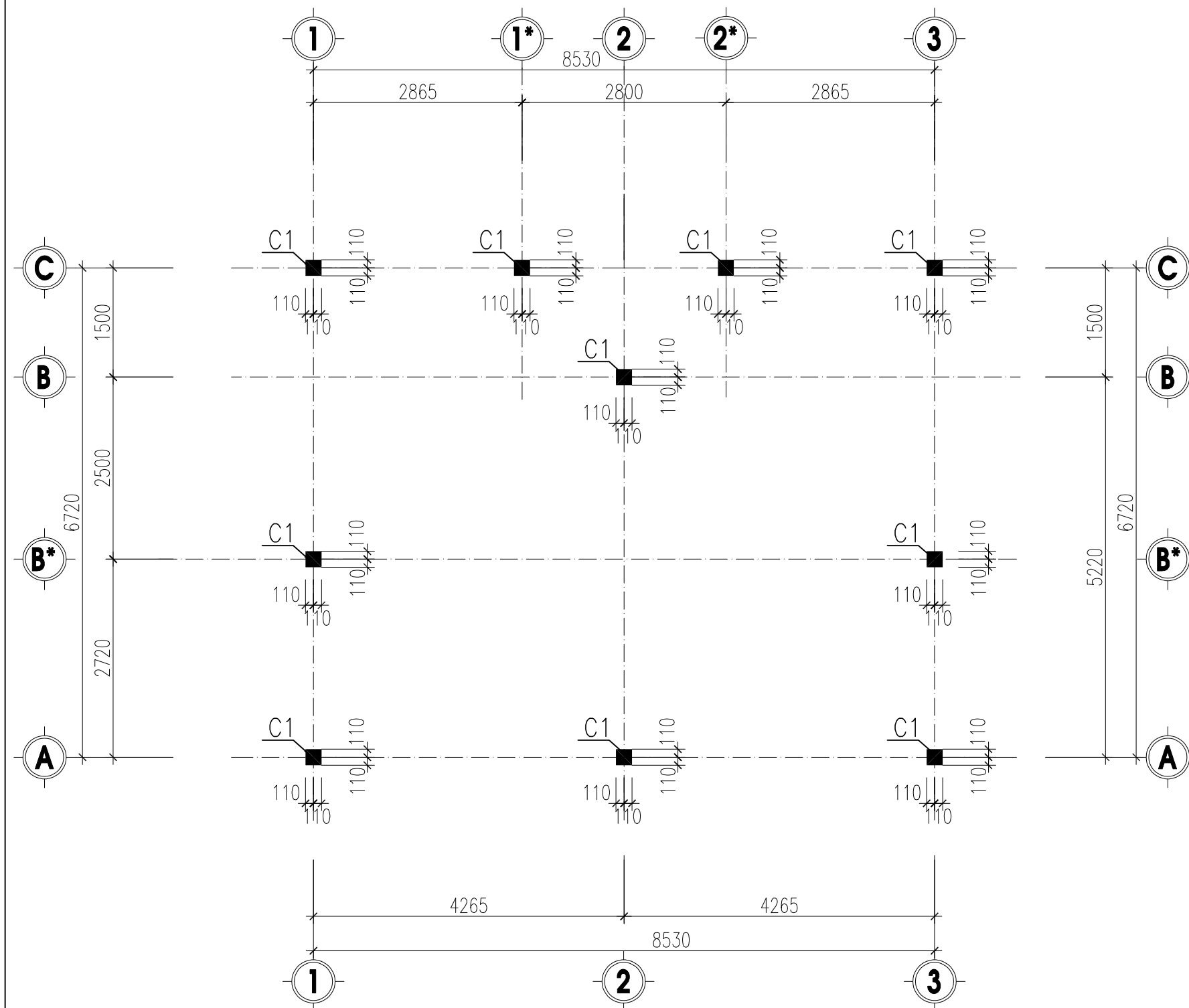
MẶT BẰNG MÁI CÔNG TRÌNH

GHI CHÚ:

- MÁI LỢP TÔN MÚI DÀY 0.4MM
- ỐNG THOÁT NƯỚC MÁI SỬ DỤNG ỐNG PVC D100
- LÒNG SẼ NỖ MÁI ĐƯỢC CHỐNG THẨM BẰNG LỚP CHỐNG THẨM CHUYÊN DỤNG, HOÀN THIỆN LẮNG VỮA XM MẮC 75# DÀY 20 ĐÁNH DỐC RA CỬA THU NƯỚC.
- TƯỜNG NGOÀI NHÀ SƠN MÀU VÀNG KEM HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG
- TƯỜNG TRONG ỐP GẠCH CERAMIC 300X600
- NỀN LÁT GẠCH TRỒNG TRƠN 300X300
- VÁCH NGĂN TẮM COMPOSITE DÀY 12CM

SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: tfgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TT: 0212 3752 949; LAS-XD 605: 0212

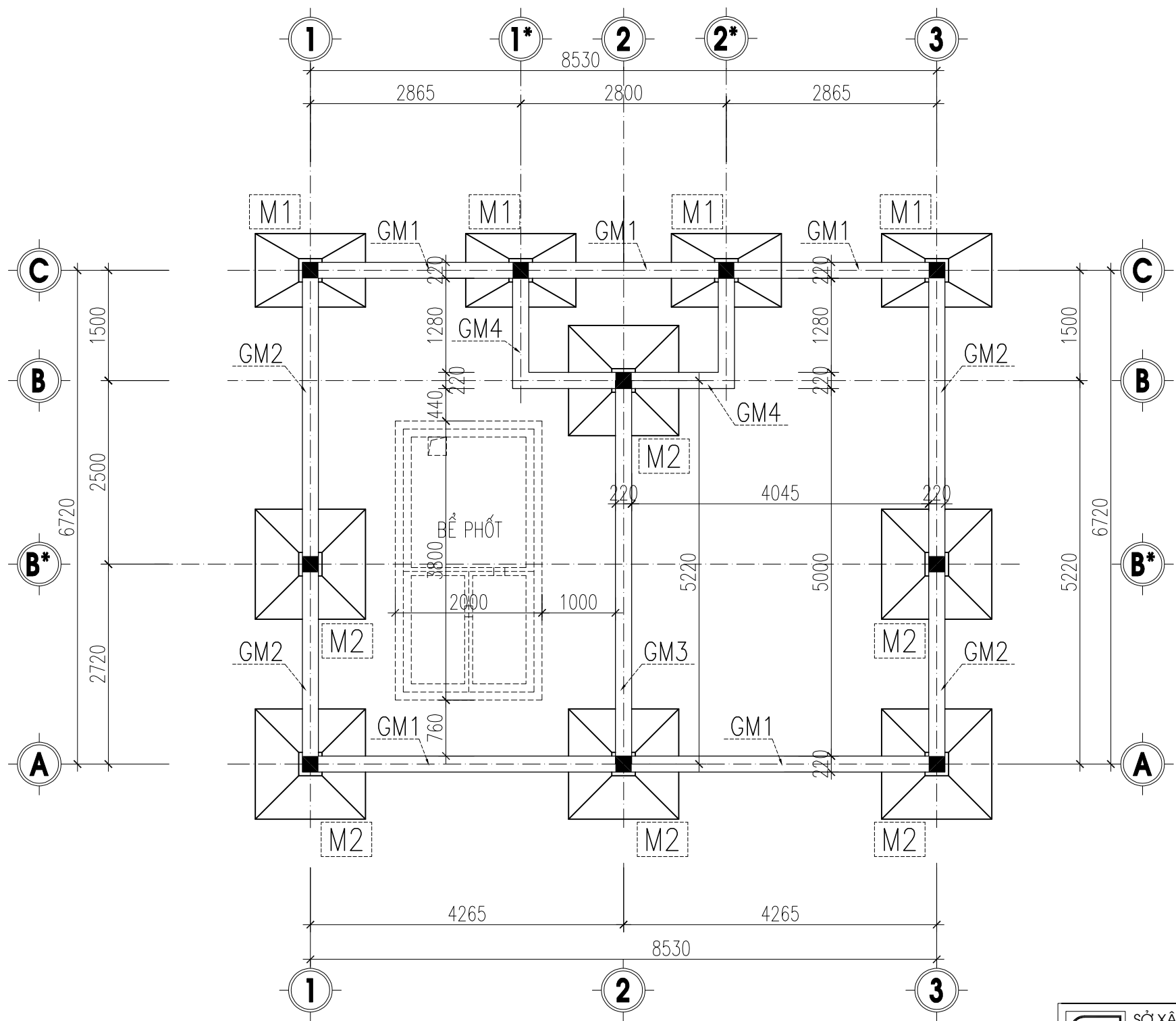
PHẦN KẾT CẤU



MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỘT

- GHI CHÚ:
- MÓNG ĐƯỢC THIẾT KẾ TÙY THEO TÀI LIỆU BÁO CÁO KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT
 - MẪU ĐƯỢC THIẾT KẾ VỚI ĐIỀU KIỆN ĐỊA CHẤT ỔN ĐỊNH KHÔNG PHẢI ĐÓNG CỌC
 - NỀN ĐẤT DƯỚI ĐÁY MÓNG PHẢI ĐƯỢC ĐÁM CHẶT VỚI HỆ SỐ ĐÁM CHẶT $K \geq 0.9$
 - BÊ TÔNG B15 (M200), ĐÁ 1X2
 - CỐT THÉP $< \phi 10$ DÙNG (CB240T CO/S R= 2100KG//CM2) CỐ R = 2250KG/CM2
 - CỐT THÉP $\geq \phi 10$ DÙNG (CB300V) CỐ R = 2800KG/CM2
 - NỐI THÉP ĐÚNG QUY PHẠM, LNEO = 30D. (D LÀ ĐƯỜNG KÍNH CỐT DỌC LỚN NHẤT)
 - KHI THI CÔNG CẦN KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN

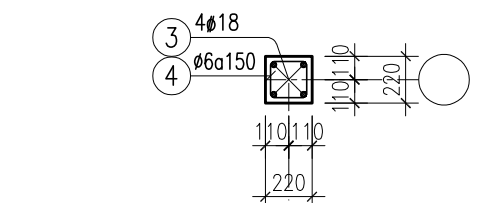
 SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: tfgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TT: 0212 3752 949; LAS-XD 605: 0212 3751 137; GH, KT&PTĐT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSH-T: 0212 3851 866			SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ VỆ SINH CHUNG NVS-01		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN			



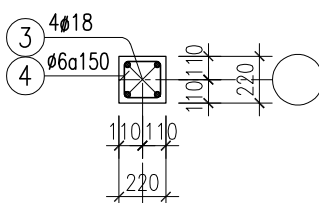
MẶT BẰNG KẾT CẤU MÓNG

- GHI CHÚ:
- MÓNG ĐƯỢC THIẾT KẾ TÙY THEO TÀI LIỆU BÁO CÁO KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT
 - MẪU ĐƯỢC THIẾT KẾ VỚI ĐIỀU KIỆN ĐỊA CHẤT ỔN ĐỊNH KHÔNG PHẢI ĐÓNG CỌC
 - NỀN ĐẤT DƯỚI ĐÁY MÓNG PHẢI ĐƯỢC ĐẦM CHẶT VỚI HỆ SỐ ĐẦM CHẶT $K \geq 0.9$
 - BÊ TÔNG B15 (M200), ĐÁ 1X2
 - CỐT THÉP $< \phi 10$ DÙNG (CB240T CO/S R= 2100KG//CM2)
 - CỐT THÉP $\geq \phi 10$ DÙNG (CB300V)
 - NỐI THÉP ĐÚNG QUY PHẠM, LNEO = 30D. (D LÀ ĐƯỜNG KÍNH CỐT DỌC LỚN NHẤT)
 - KHI THI CÔNG CẦN KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN

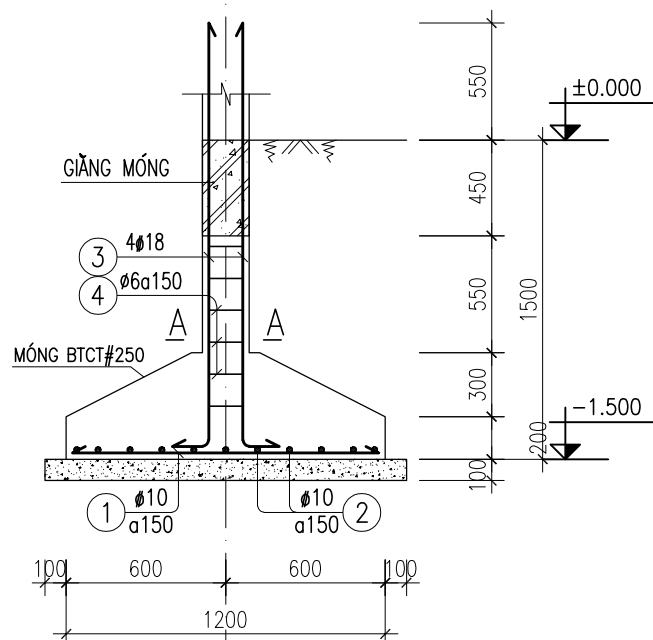
SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TT: 0212 3752 949; LAS-XD 605: 0212 3751 137; QH, KT&PTDT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSH-T: 0212 3851 866	SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ VỆ SINH CHUNG NVS-01	
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN



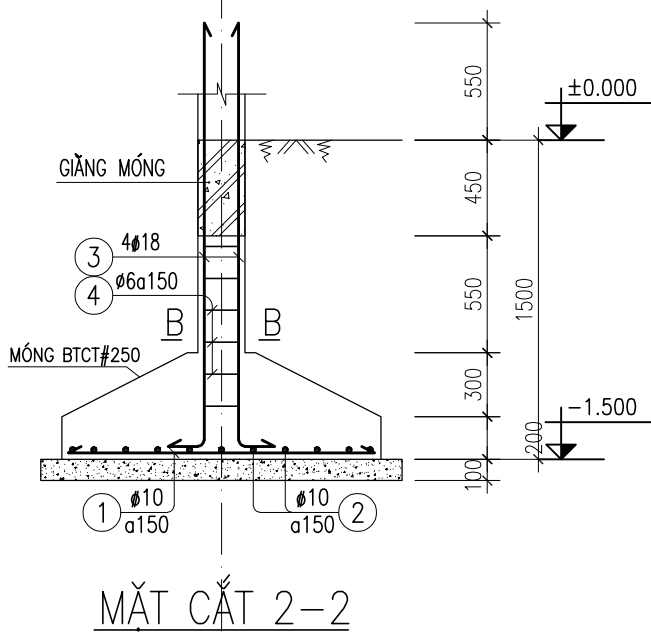
MẶT CẮT A-A



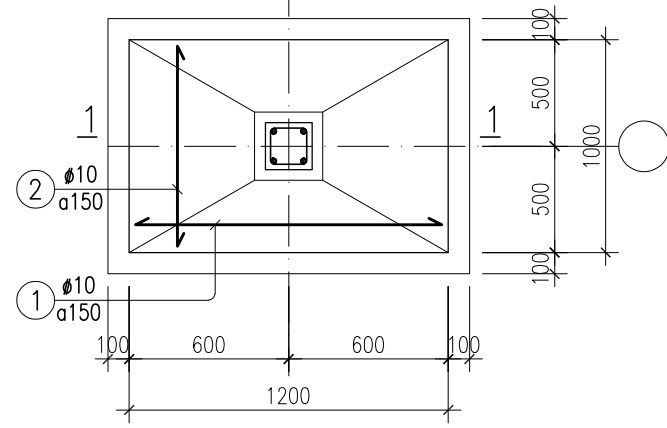
MẶT CẮT B-B



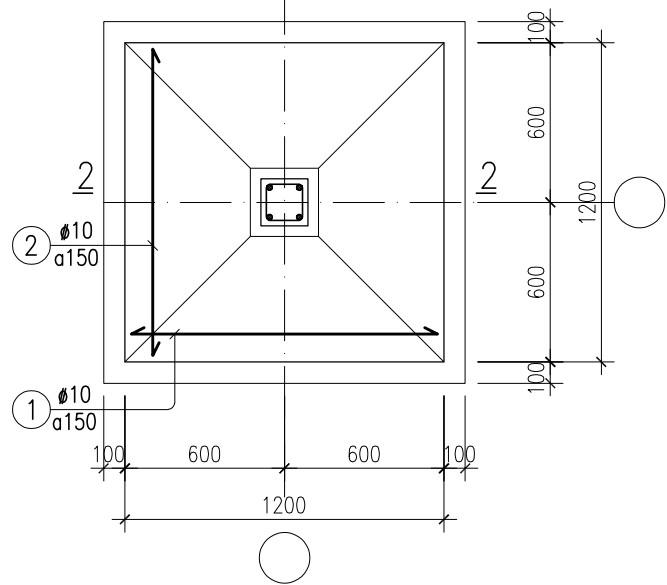
MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



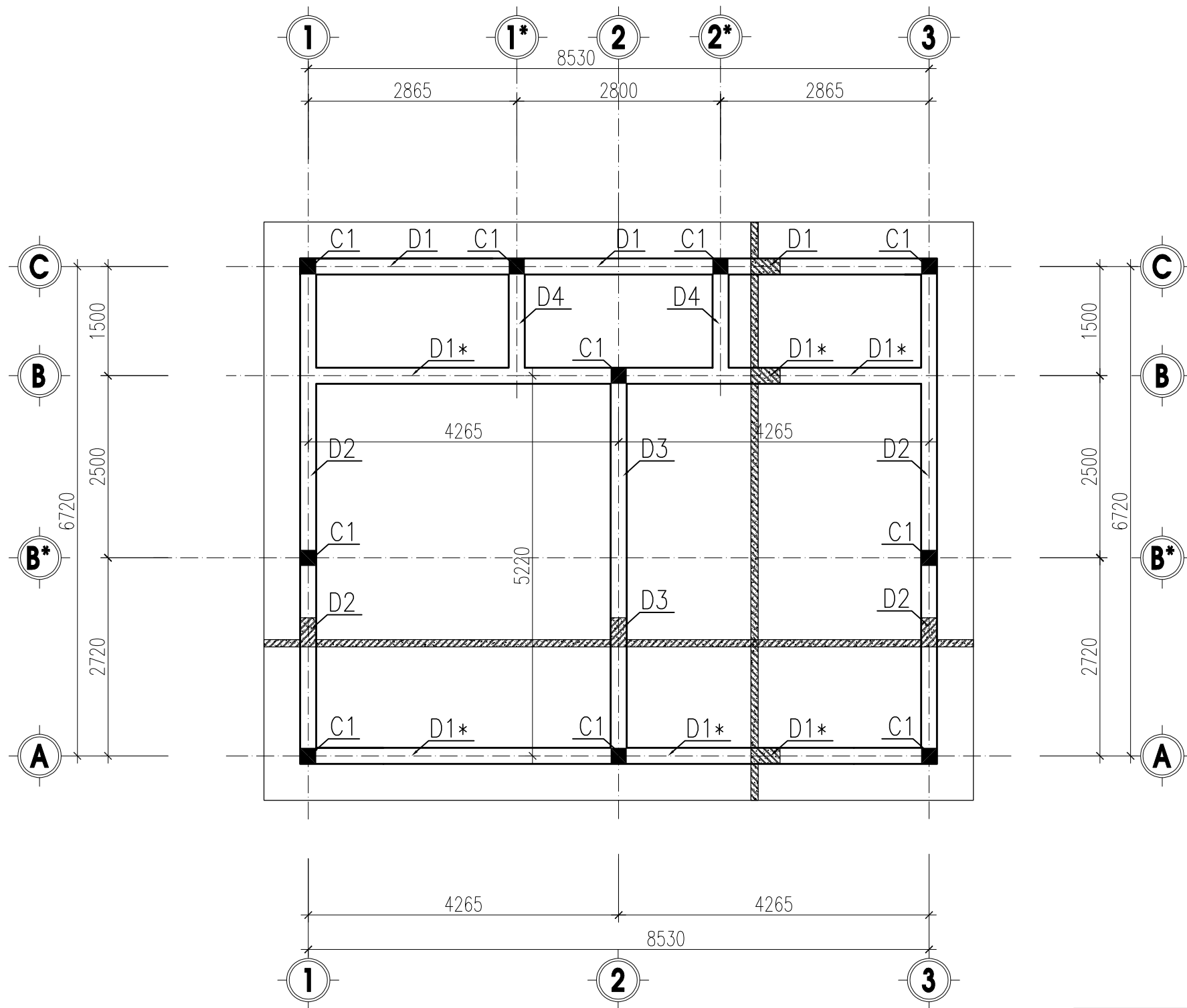
MÓNG M1 (SL=4)



MÓNG M2 (SL=6)

GHI CHÚ:

- BÊ TÔNG B15 (MÁC 200#), ĐÁ 1X2
- BÊ TÔNG LÓT MÓNG B7.5 (MÁC 100#), ĐÁ 4X6
- CỐT THÉP < Ø 10 DÙNG CI (CB240T CỐ R= 2100KG/CM2)
- CỐT THÉP > Ø 10 DÙNG CII (CB300V)
- NỐI THÉP THEO ĐÚNG QUY PHẠM, $L_{neo}=30D$ (D LÀ ĐƯỜNG KÍNH CỐT DỌC)
- TƯỜNG MÓNG XÂY GẠCH ĐẶC VỮA XI MẮNG MÁC 75#
- KHI THI CÔNG CẦN XEM CÁC BẢN VẼ CỐ LIÊN QUAN
- * LOẠI MÓNG VÀ CẤU TẠO MÓNG VỚI BẢN THIẾT KẾ MẪU LÀ THAM KHẢO; VỚI TỪNG TRƯỜNG HỢP ĐỊA CHẤT TẠI ĐỊA ĐIỂM THI

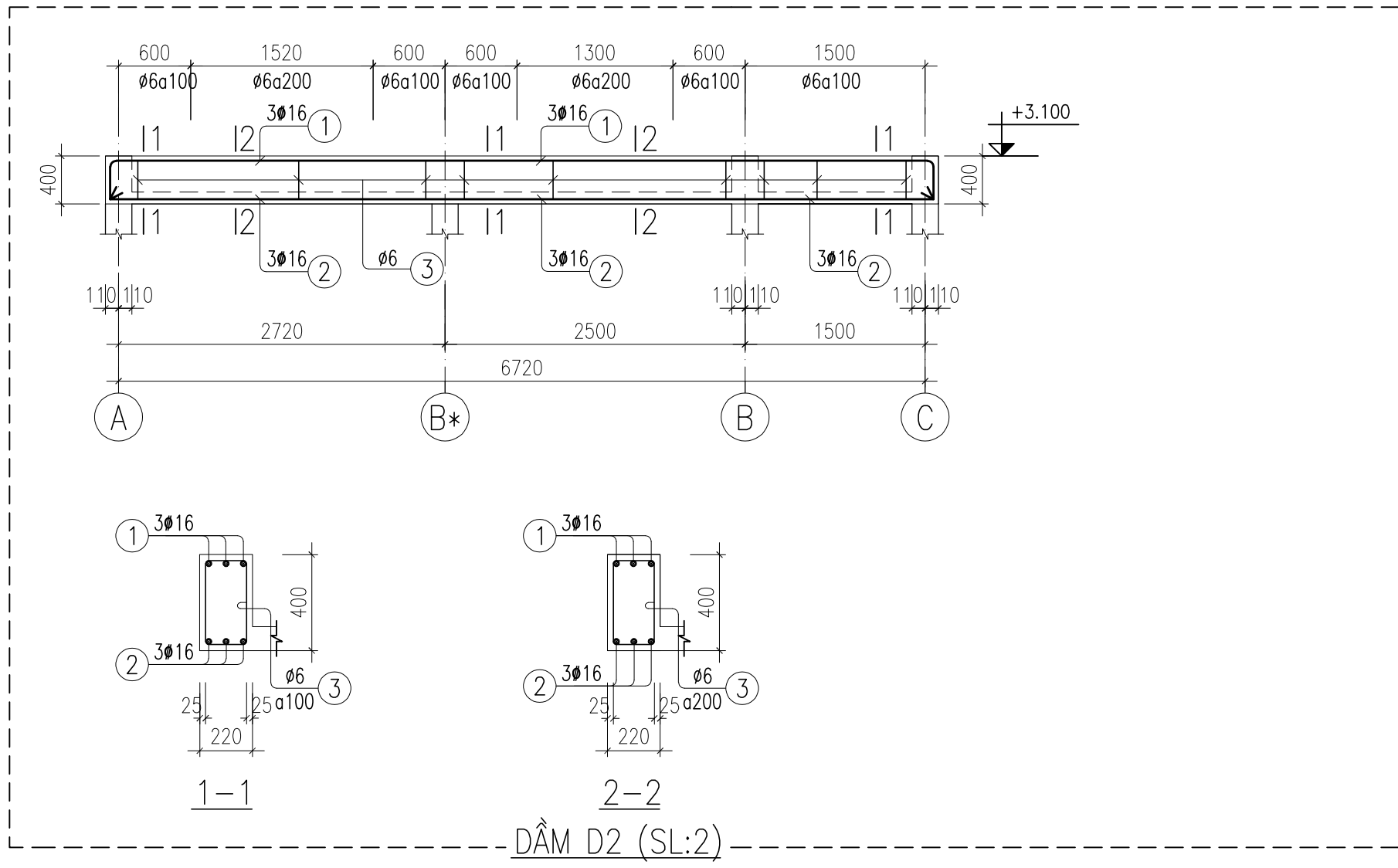
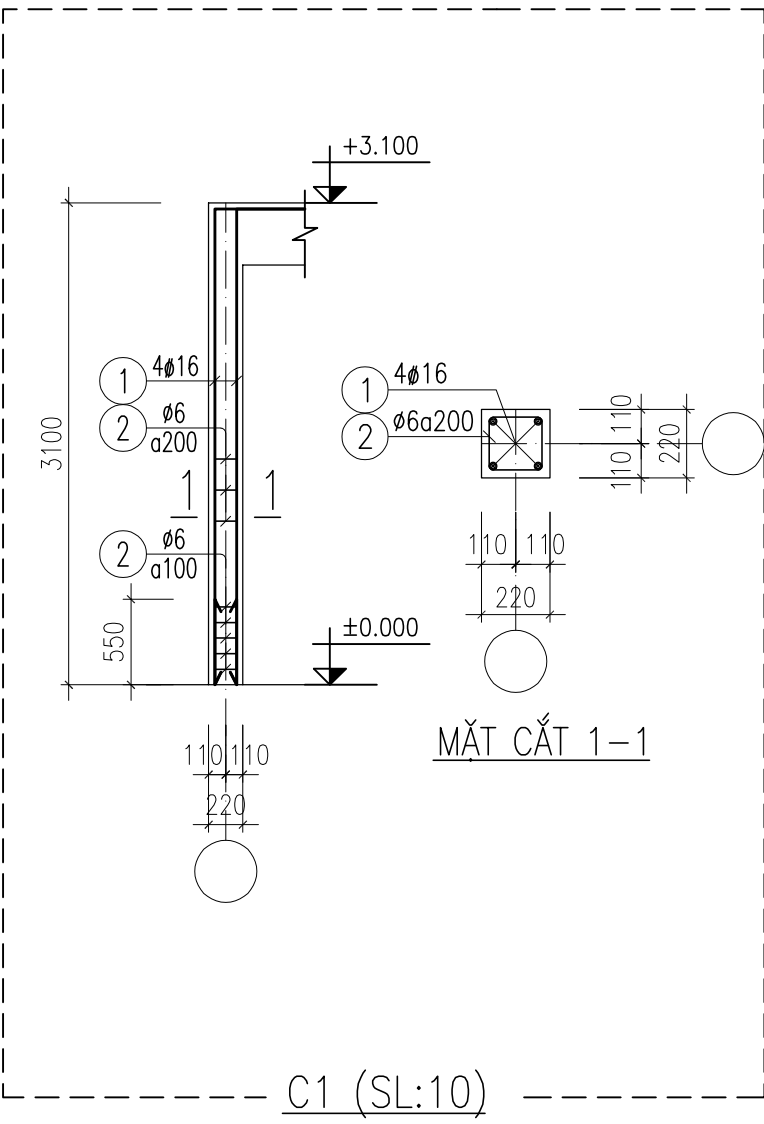


MẶT BẰNG KẾT CẤU SÀN COS +2.70

GHI CHÚ:

- BÊ TÔNG B15 (M200#), ĐÁ 1X2
- CỐT THÉP $\phi 10$ DÙNG CB240T CỐ R= 2100KG/CM2
- CỐT THÉP $\phi 10$ DÙNG CB300V
- NỐI THÉP THEO ĐÚNG QUY PHẠM, $L_{neo} = 30D$
(D LÀ ĐƯỜNG KÍNH CỐT DỌC)
- KHI THI CÔNG CẦN XEM CÁC BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN

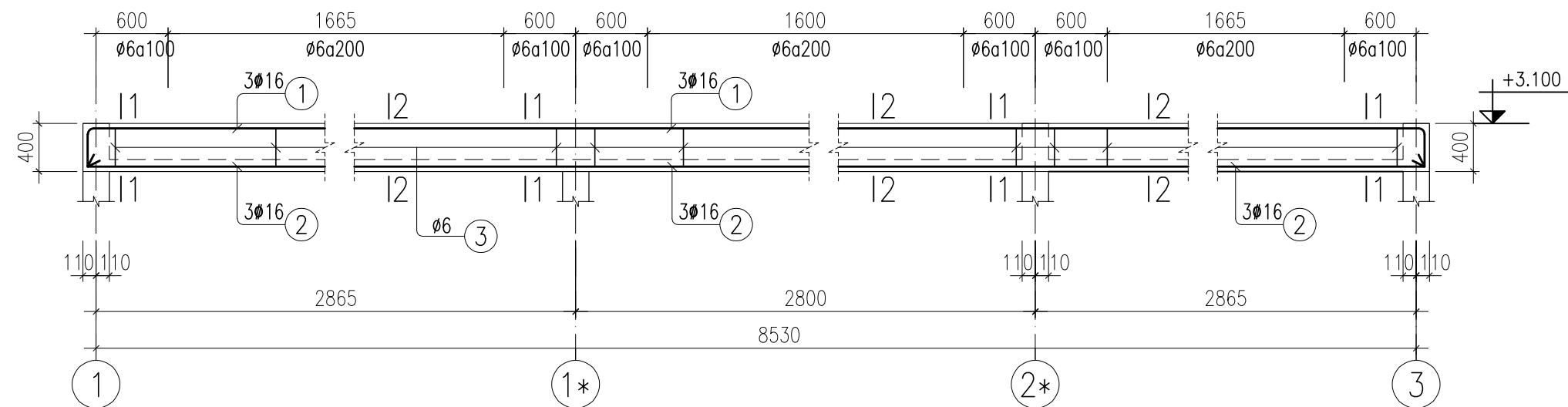
 SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TT: 0212 3752 949; LAS-XD: 0212 3751 137; QH, KT&PTĐT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSH-T: 0212 3851 866		SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ VỆ SINH CHUNG NVS-01		
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỘT	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG		
CHỦ TRÌ		KS. VŨ VĂN THẮNG		
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮ		



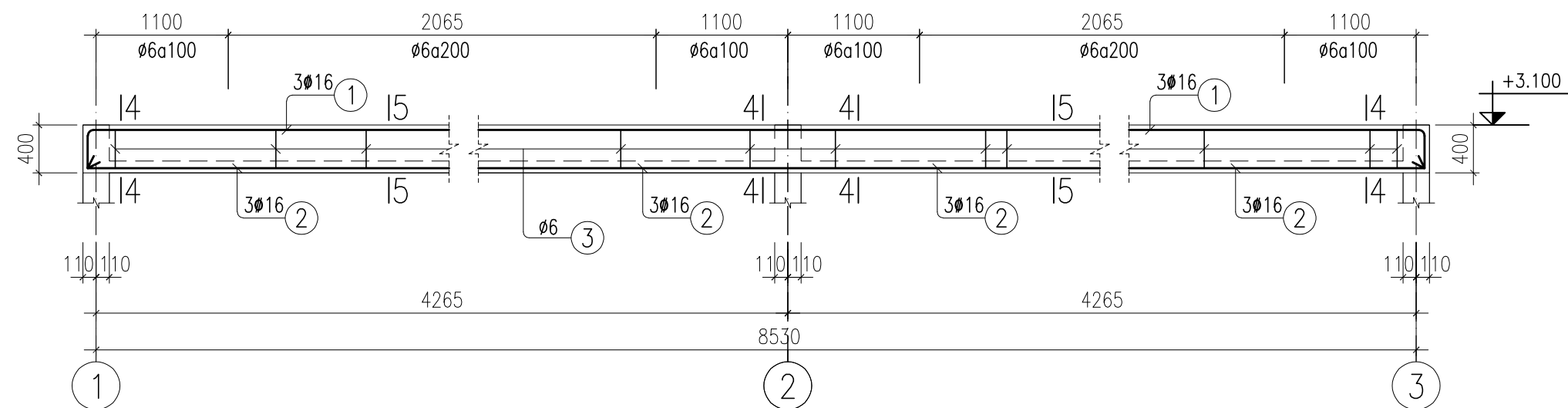
GHI CHÚ:

- BÊ TÔNG B15 (M200#), ĐÁ 1X2
- CỐT THÉP <ø 10 DÙNG CB240T CÓ R= 2100KG/CM2
- CỐT THÉP >ø 10 DÙNG CB300V
- NỐI THÉP THEO ĐÚNG QUY PHẠM, Lneo =30D
(D LÀ ĐƯỜNG KÍNH CỐT DỌC)
- KHI THI CÔNG CẦN XEM CÁC BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN

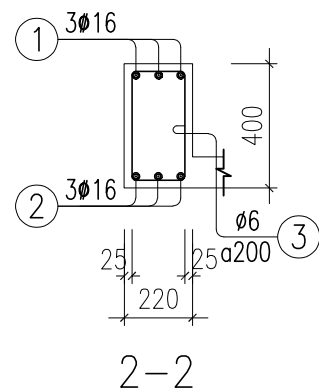
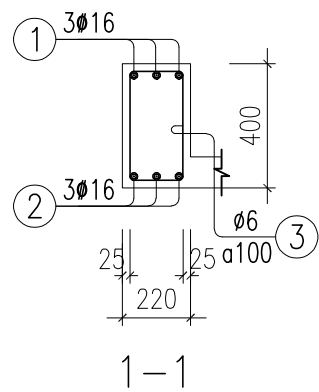
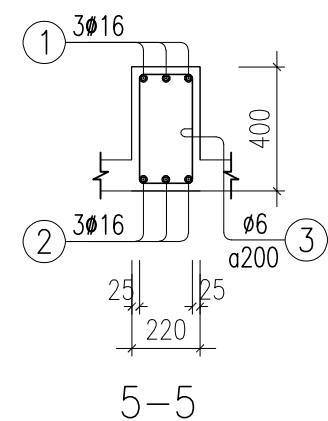
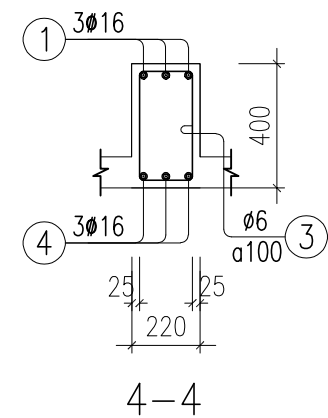
SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TT: 0212 3752 949; LAS-XD: 0212 3751 137; QH, KT&PTĐT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSH-T: 0212 3851 866		SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ VỆ SINH CHUNG NVS-01		
GIÁM ĐỐC		CHI TIẾT CỘT; CHI TIẾT DẦM		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT				
CHỦ TRÌ				
Q.TRƯỞNG PHÒNG				
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN				
THIẾT KẾ				
		KS. NGUYỄN TRUNG KIÊN		



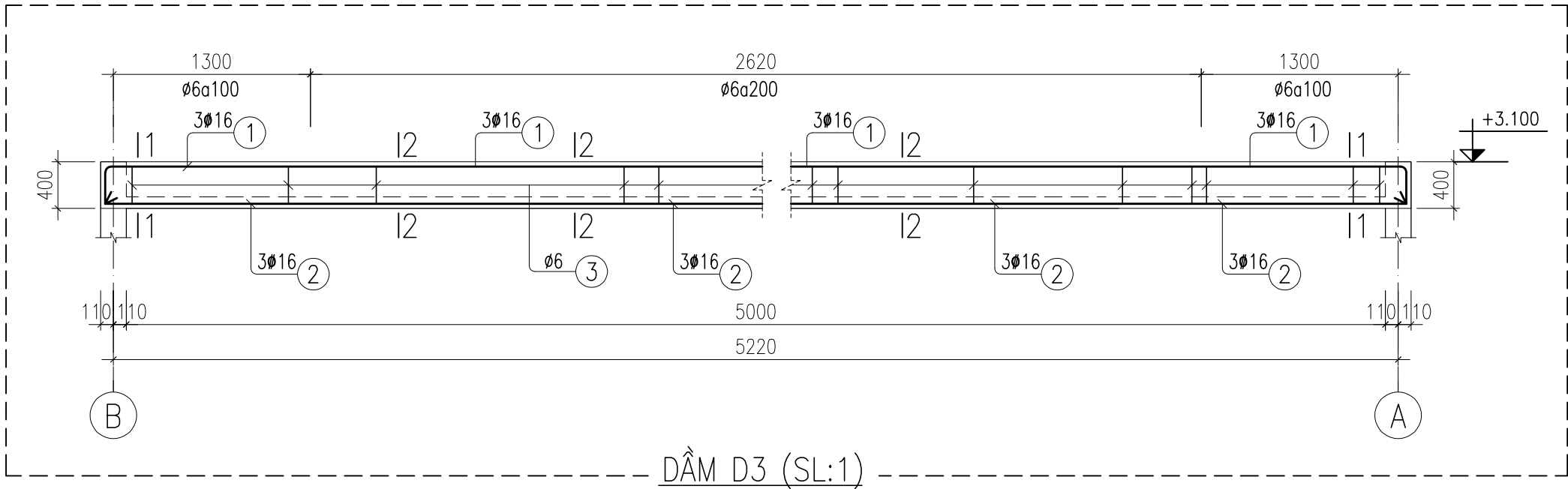
DẦM D1 (SL:1)



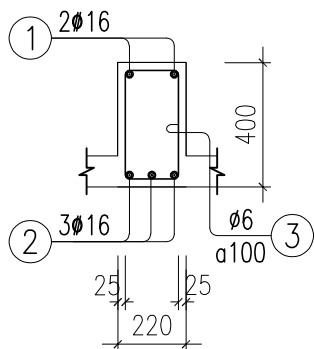
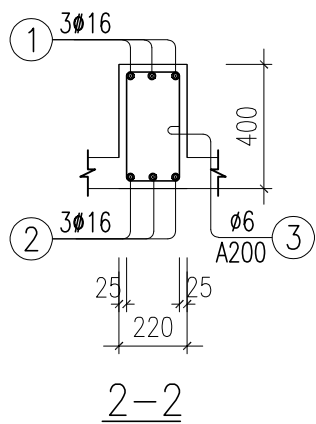
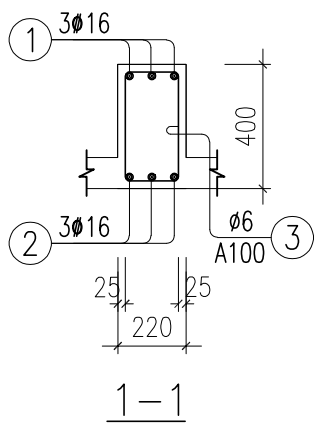
DẦM D1* (SL:2)



 SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TN: 0212 3752 949; LAS-XD: 0212 3751 137; QH, KT&PTĐT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSH-T: 0212 3851 866		SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ VỆ SINH CHUNG NVS-01		
GIÁM ĐỐC				



DẦM D3 (SL:1)

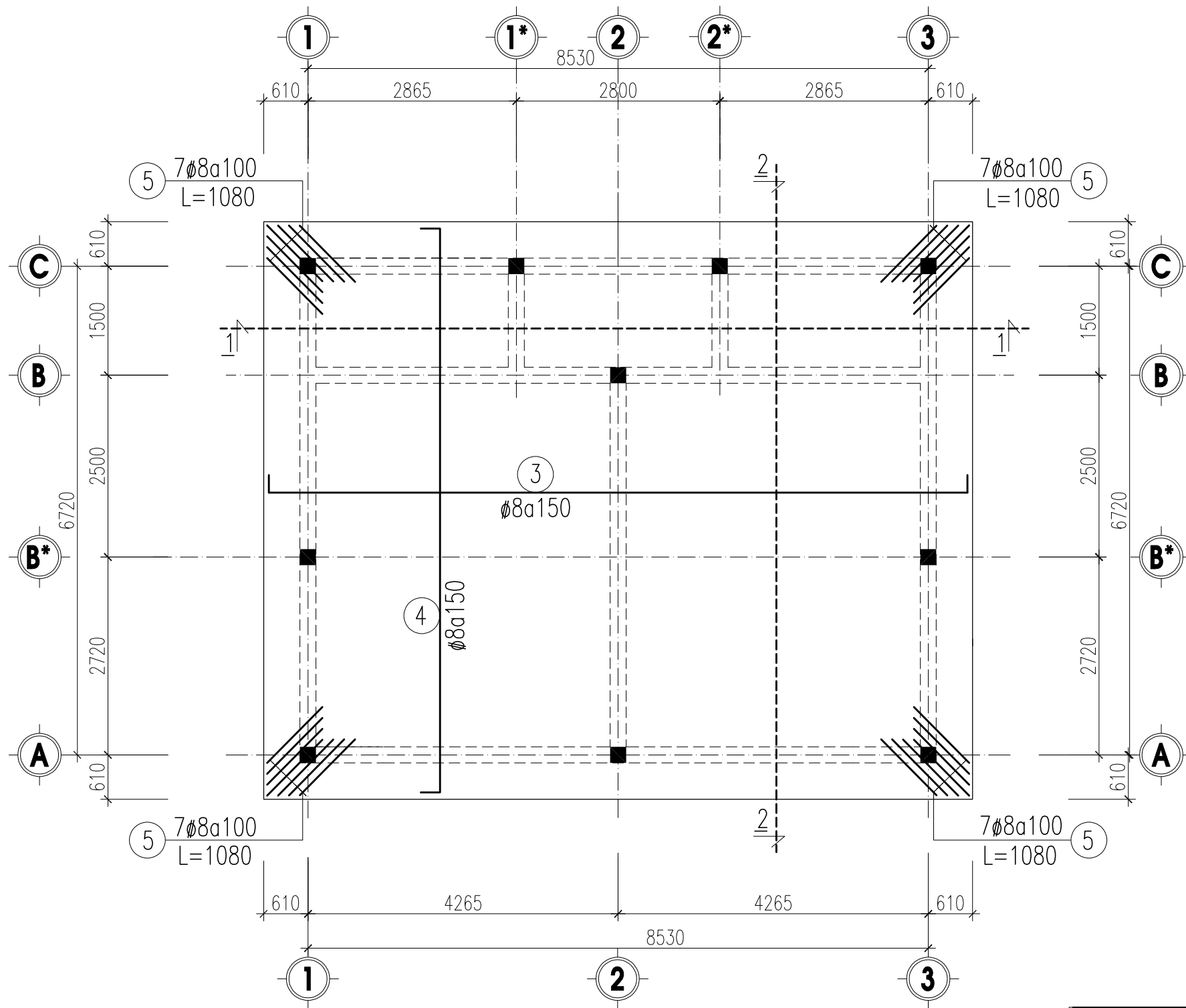


CẮT DẦM D4; L=1500
SỐ LƯỢNG 02 C.K

GHI CHÚ:

- BÊ TÔNG B15 (M200#), ĐÁ 1X2
- CỐT THÉP <Ø 10 DÙNG CB240T CÓ R= 2100KG/CM2
- CỐT THÉP >Ø 10 DÙNG CB300V
- NỐI THÉP THEO ĐÚNG QUY PHẠM, Lneo =30D
(D LÀ ĐƯỜNG KÍNH CỐT DỌC)
- KHI THI CÔNG CẦN XEM CÁC BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN

SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: tfgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TT: 0212 3752 949; LAS-XD: 0212 3751 137; QH, KT&PT&DT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSH-T: 0212 3851 866		SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ M
---	--	---

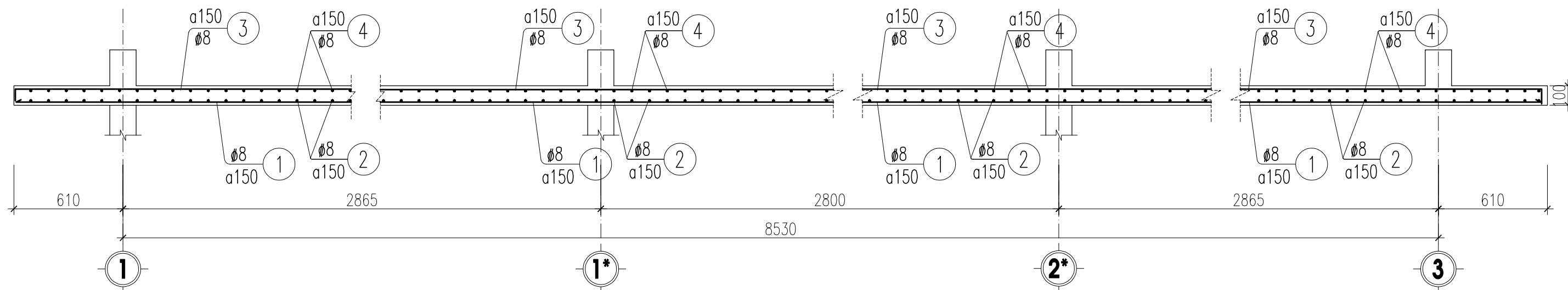


MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP SÀN COS +2.70, LỚP TRÊN

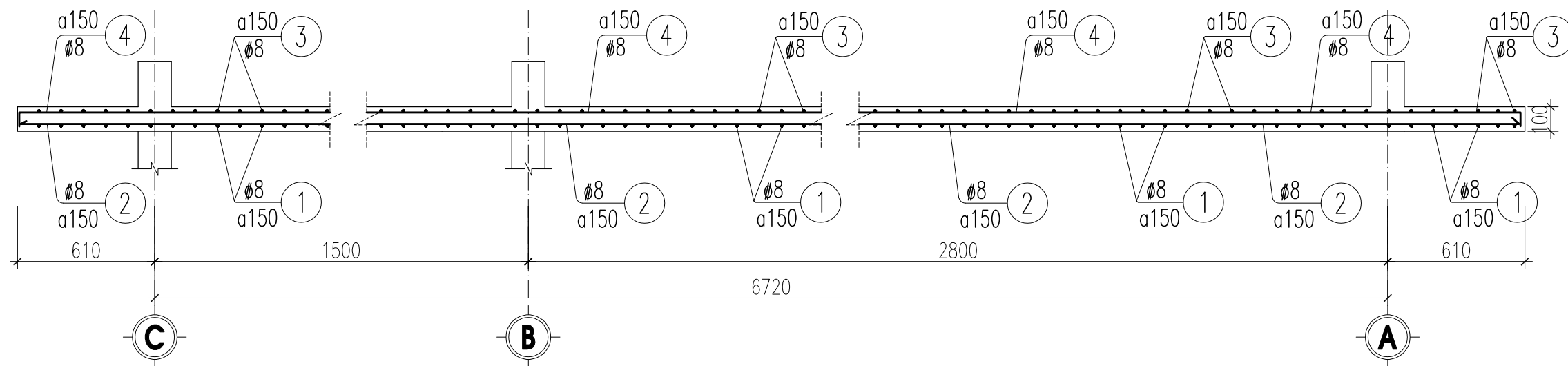
GHI CHÚ:

- TẤT CẢ CÁC Ô SÀN ĐỀU DÀY 100MM
- BÊ TÔNG B15 (M200), ĐÁ 1X2
- CỐT THÉP $\leq \phi 10$ DÙNG CB240T CÓ R= 2100KG/CM2
- CỐT THÉP $> \phi 10$ DÙNG CB300V
- NỐI THÉP ĐÚNG QUY PHẠM, LNEO = 30D. (D LÀ ĐƯỜNG KÍNH CỐT DỌC LỚN NHẤT)
- KHI THI CÔNG CẦN KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN

 SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TT: 0212 3752 949; L&S-XD: 0212 3751 137; QH, KT&PT&DT: 0212 3753 8
--



MẶT CẮT 1-1



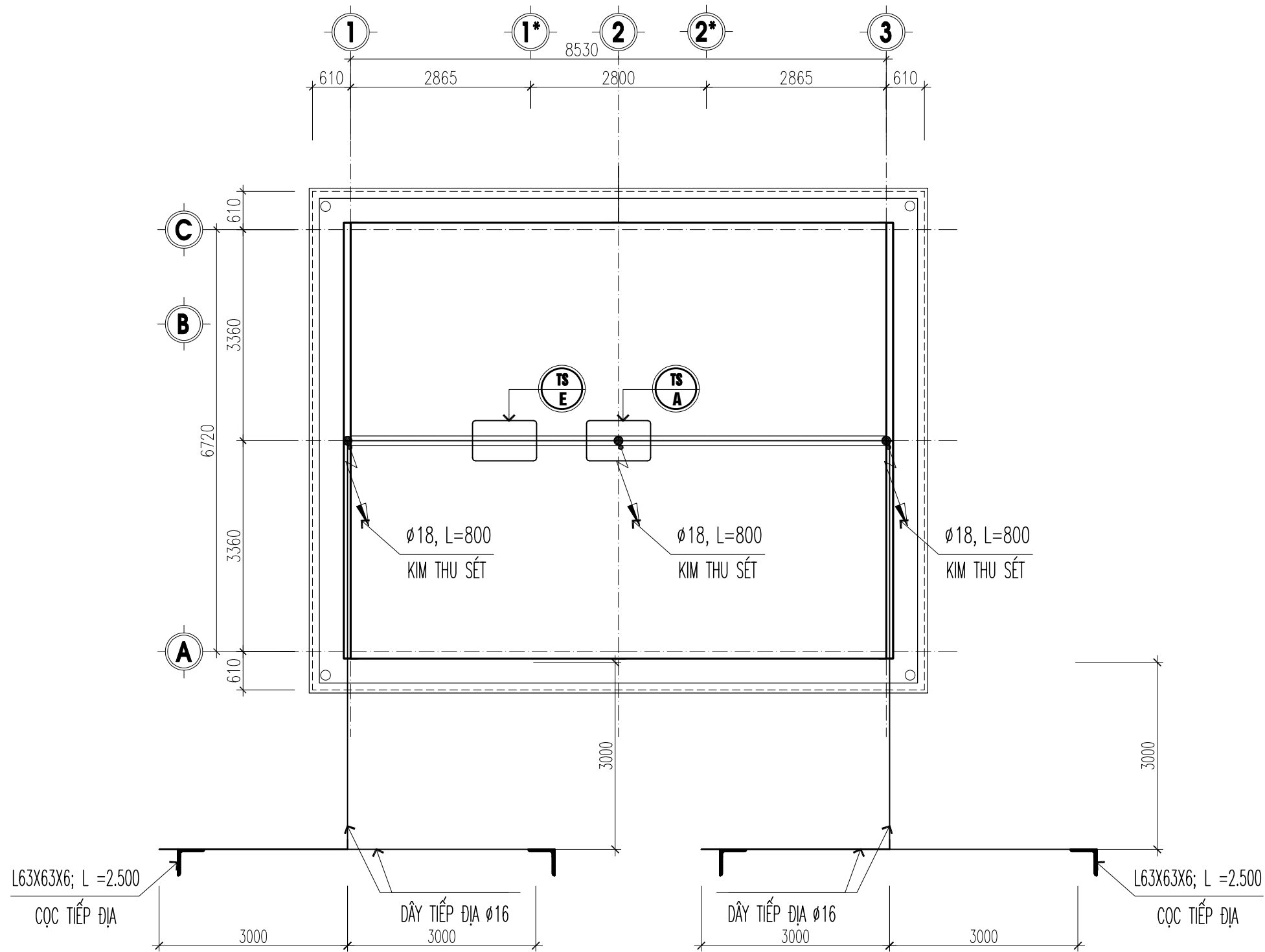
MẶT CẮT 2-2

GHI CHÚ:

- TẤT CẢ CÁC Ô SÀN ĐỀU DÀY 100MM
- BÊ TÔNG B15 (M200), ĐÁ 1X2
- CỐT THÉP <ø 10 DÙNG CB240T CỐ R= 2100KG/CM2
- CỐT THÉP >ø 10 DÙNG CB300V CỐ R= 2600KG/CM2
- NỐI THÉP ĐÚNG QUY PHẠM, LNEO = 30D. (D LÀ ĐƯỜNG KÍNH CỐT DỌC LỚN NHẤT)
- KHI THI CÔNG CẦN KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN

 SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La Website: https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD: 0212 3751 137; QH, KT&PTĐT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSH-T: 0212 3851 866		SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ VỆ SINH
---	--	---

PHẦN THU SÉT



MẶT BẰNG THU SÉT MÁI CÔNG TRÌNH

 SỞ XÂY DỰNG SƠN LA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La Website: https://gdah.sxdsonla.gov.vn/ Email: ttgdcl@qhxd.sxd@sonla.gov.vn HC-TT: 0212 3752 949; L&S-XD-GD: 0212 3751 137; QH, KTBPHDT: 0212 3753 898; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSH: 0212 3851 866		SỞ XÂY DỰNG SƠN LA THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA HẠNG MỤC: MẪU NHÀ VỆ SINH CHUNG NVS01			
GIÁM ĐỐC		KS. NGUYỄN TRUNG KIẾN	MẶT BẰNG THU SÉT		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		KTS. LÒ AN CƯỜNG			
CHỦ TRÌ		KTS. NGUYỄN TRỌNG TUẤN			
Q.TRƯỞNG PHÒNG		KS. ĐẶNG VĂN THẮNG			
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		KS. NGÔ QUANG TUẤN	TỶ LỆ: 1/100	T.K.M	TS: 01
THIẾT KẾ				NĂM 2025	

PHẦN CẤP ĐIỆN

PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC



SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La

Website: <https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/>

Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn

HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 605: 0212 3751 137; QH, KT&PTĐT: 0212 37500 700; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSHT: 0212 3851 866

HỒ SƠ DỰ TOÁN XÂY DỰNG

CHỦ ĐẦU TƯ: **SỞ XÂY DỰNG SƠN LA**

DỰ ÁN: **LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**

HẠNG MỤC: **MẪU THIẾT KẾ NHÀ VỆ SINH (KÝ HIỆU MẪU: NVS01)**

ĐỊA ĐIỂM XD: **TỈNH SƠN LA**

Sơn La, ngày ... tháng 7 năm 2025



SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La

Website: <https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/>

Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn

HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 605: 0212 3751 137; QH, KT&PTĐT: 0212 37500 700; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSHT: 0212 3851 866

HỒ SƠ DỰ TOÁN XÂY DỰNG

CHỦ ĐẦU TƯ: **SỞ XÂY DỰNG SƠN LA**

DỰ ÁN: **LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**

HẠNG MỤC: **MẪU THIẾT KẾ NHÀ VỆ SINH (KÝ HIỆU MẪU: NVS01)**

ĐỊA ĐIỂM XD: **TỈNH SƠN LA**

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trung Kiên

Sơn La, ngày ... tháng 7 năm 2025



SỞ XÂY DỰNG SƠN LA

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Địa chỉ: Đường Khuất Duy Tiến, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La

Website: <https://gdqh.sxdsonla.gov.vn/>

Email: ttgdcl&qhxd.sxd@sonla.gov.vn

HC-TH: 0212 3752 949; LAS-XD 605: 0212 3751 137; QH, KT&PTĐT: 0212 37500 700; KT-KT: 0212 3753 898; QLDA: 0212 3851 188; GSHT: 0212 3851 866

HỒ SƠ DỰ TOÁN XÂY DỰNG

CHỦ ĐẦU TƯ: **SỞ XÂY DỰNG SƠN LA**

DỰ ÁN: **LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**

HẠNG MỤC: **MẪU THIẾT KẾ NHÀ VỆ SINH (KÝ HIỆU MẪU: NVS01)**

ĐỊA ĐIỂM XD: **TỈNH SƠN LA**

GIÁ TRỊ DỰ TOÁN: **686.731.000,0** Đồng

(Bằng chữ: *Sáu trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn*)

Trong đó: Chi phí xây dựng: **686.731.000,0** đồng

LẬP DỰ TOÁN

CHỦ TRÌ

TRƯỞNG PHÒNG

Sơn La, ngày .. tháng 7 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Đinh Sỹ Mạnh Hùng

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

DỰ ÁN : LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

HẠNG MỤC: MẪU THIẾT KẾ NHÀ VỆ SINH (KÝ HIỆU MẪU: NVS01)

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	<i>Chi phí Vật liệu</i>	<i>VL</i>	A	425.519.950,7
	+ Theo đơn giá trực tiếp	A1	Bảng dự toán hạng mục	400.967.785,9
	+ Chênh lệch vật liệu	CL	Theo bảng bù giá	24.552.164,7
	Cộng	A	A1 + CL	425.519.950,7
2	<i>Chi phí Nhân công</i>	<i>NC</i>	B	149.873.100,
	+ Theo đơn giá trực tiếp	B1	Bảng dự toán hạng mục	143.246.522,6
	+ Chênh lệch nhân công	CLNC	Theo bảng bù giá	6.626.577,5
	Cộng	B	B1 + CLNC	149.873.100,
3	<i>Chi phí Máy thi công</i>	<i>M</i>	C	11.559.028,
	+ Theo đơn giá trực tiếp	C1	Bảng dự toán hạng mục	11.299.769,2
	+ Chênh lệch Máy thi công	CLMay	Theo bảng bù giá	259.258,8
	Cộng	C	C1 + CLMay	11.559.028,
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	586.952.078,7
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	C	T x 7,3%	42.847.501,7
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	T x 1,1%	6.456.472,9
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2,5%	14.673.802,
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + LT + TT)	63.977.776,6
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x	

BẢNG DỰ TOÁN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

DỰ ÁN : LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ MẪU CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

HẠNG MỤC: MẪU THIẾT KẾ NHÀ VỆ SINH (KÝ HIỆU MẪU: NVS01)

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)			Thành tiền (đ)		
					Vật liệu	Nhân công	Máy T.C	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
	HM	MẪU THIẾT KẾ NHÀ VỆ SINH (KÝ HIỆU MẪU: NVS01)								
	*	*/ PHẦN MÓNG								
1	AB.25113	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 0,8m3, đất cấp III	100m3	0,3892		899.292,	1.334.509,	0,	350.004,4	519.390,9
		Mở rộng sang mỗi bên 0.2m từ KC								
		M1: $4*1,6*1,4*1,6/100 = 0,1434$								
		M2: $6*1,6*1,6*1,6/100 = 0,2458$								
2	AB.11313	Đào đất móng bằng bằng thủ công, rộng <= 3m, sâu <= 1m, đất cấp III	m3	4,2103		249.468,		0,	1.050.335,1	0,
		GM1: $2*(8,53-2*1,6)*0,42*0,35 = 1,567$								
		GM2: $2*(6,72-1,6-1,4/2-1,9/2)*0,42*0,35 = 1,0202$								
</										

		GM2: $2 \cdot (6,72 - 2 \cdot 0,22) \cdot 0,42 \cdot 0,1 = 0,5275$								
		GM3: $1 \cdot (5,22 - 0,22) \cdot 0,42 \cdot 0,1 = 0,21$								
		GM4: $1 \cdot (6,02 - 2 \cdot 0,22) \cdot 0,42 \cdot 0,31 = 0,7265$								
		Bồn hoa: $2 \cdot (2,865 + 2 \cdot 0,9) \cdot 0,31 \cdot 0,1 = 0,2892$								
4	AF.11212	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng ≤ 250 cm, đá 1x2, M200, PCB30	m3	4,5056	857.792,	294.698,	56.007,	3.864.867,6	1.327.791,3	252.345,1
		M1: $4 \cdot 1,2 \cdot 1 \cdot 0,2 = 0,96$								
		$4 \cdot 0,3/6 \cdot (1,2 \cdot 1 + 0,32 \cdot 0,32 + 1,52 \cdot 1,32) = 0,6618$								
		M2: $6 \cdot 1,2 \cdot 1,2 \cdot 0,2 = 1,728$								
		$6 \cdot 0,3/6 \cdot (1,2 \cdot 1,2 + 0,32 \cdot 0,32 + 1,52 \cdot 1,52) = 1,1558$								
5	AF.12212	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông cột, tiết diện cột $\leq 0,1$ m2, chiều cao ≤ 6 m, đá 1x2, M200, PCB30	m3	0,484	891.764,	825.300,	81.631,	431.613,8	399.445,2	39.509,4
		M1: $4 \cdot 0,22 \cdot 0,22 \cdot 1 = 0,1936$								
		M2: $6 \cdot 0,22 \cdot 0,22 \cdot 1 = 0,2904$								
6	AF.61110	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép ≤ 10 mm	tấn	0,135						

9	AF.86361	Ván khuôn thép, khung xương thép, cột chống bằng thép ống. Ván khuôn cột vuông, chữ nhật, chiều cao $\leq 28\text{m}$	100m ²	0,088	2.622.279,	8.512.331,	1.116.382,	230.760,6	749.085,1	98.241,6
		M1: $4*0,22*4*1/100 = 0,0352$								
		M2: $6*0,22*4*1/100 = 0,0528$								
10	AF.12312	Đô bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng nhà, chiều cao $\leq 6\text{m}$, đá 1x2, M200, PCB30	m ³	3,7826	857.792,	639.711,	81.631,	3.244.684,	2.419.770,8	308.777,4
		GM1: $2*(8,53-2*0,22)*0,22*0,45 = 1,6018$								
		GM2: $2*(6,72-2*0,22)*0,22*0,45 = 1,2434$								
		GM3: $1*(5,22-0,22)*0,22*0,35 = 0,385$								
		GM4: $1*(6,02-2*0,22)*0,22*0,45 = 0,5524$								
11	AF.86311	Ván khuôn thép, khung xương thép, cột chống bằng thép ống. Ván khuôn xà, dầm, giằng, chiều cao $\leq 28\text{m}$	100m ²	0,3438	2.648.387,	6.541.384,	1.116.382,	910.515,5	2.248.927,8	383.812,1
		GM1: $2*(8,53-2*0,22)*2*0,45/100 = 0,1456$								
		GM2: $2*(6,72-2*0,22)*2*0,45/100 = 0,113$								
		GM3: $1*(5,22-0,22)*2*0,35/100 = 0,035$								

		D1: $15,29/1000 = 0,0153$								
		D1*: $2*16,3/1000 = 0,0326$								
		D2: $2*13,5/1000 = 0,027$								
		D3: $1*10/1000 = 0,01$								
		D4: $2*4,2/1000 = 0,0084$								
		GT1: $3*41,2*0,395/1000 = 0,0488$								
		GT2: $3*4,2*0,395/1000 = 0,005$								
36	AF.61522	Công tác gia công lắp dựng cột thép. Cột thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 28\text{m}$	tần	0,6072	15.399.100,	2.509.960,	624.872,	9.350.333,5	1.524.047,7	379.422,3
		D1: $(44,55+41,2)/1000 = 0,0858$								
		D1*: $2*(44,55+41,23)/1000 = 0,1716$								
		D2: $2*(35,98+32,65)/1000 = 0,1373$								
		D3: $1*(28,8+25,5)/1000 = 0,0543$								
		D4: $2*(7,48+7,91)/1000 = 0,0308$								
		GT1: $3*44,1*0,888/1000 = 0,1175$								
		GT2: $3*3,7*0,888/1000 = 0,0099$								
37	AF.61532	Công tác gia công lắp dựng cột thép. Cột thép xà dầm, giằng, đường kính cốt								

		D2: $2*(6,72-2*0,22)*2*0,3/100 = 0,0754$								
		D3: $1*(5,22-0,22)*2*0,3/100 = 0,03$								
		D4: $2*(1,5-0,22)*2*0,3/100 = 0,0154$								
		TH1: $3*7,345*0,1*2/100 = 0,0441$								
		TH2: $3*0,63*0,1*2/100 = 0,0038$								
39	AF.12412	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông sàn mái, đá 1x2, M200, PCB30	m3	7,7415	857.792,	487.320,	105.781,	6.640.596,8	3.772.587,8	818.903,6
		$9,75*7,94*0,1 = 7,7415$								
40	AF.86111	Ván khuôn thép, khung xương thép, cột chống bằng thép ống. Ván khuôn sàn mái, chiều cao $\leq 28m$	100m2	0,7172	2.441.138,	5.688.160,	1.116.382,	1.750.784,2	4.079.548,4	800.669,2
		$(9,75-3*0,22)*(7,94-2*0,22)/100 = 0,6818$								
		Viên: $(9,75+7,94)*2*0,1/100 = 0,0354$								
41	AF.61711	Công tác gia công lắp dựng cột thép. Cột thép sàn mái, đường kính cốt thép $\leq 10mm$, chiều cao $\leq 28m$	tấn	0,8217	15.195.400,	3.641.800,	184.149,	12.486.060,2	2.992.467,1	151.315,2
		$(200,91+203,56+201,9+203,5+11,79)/100 = 0,8217$								
42	AF.12512	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lanh tô, mái hắt								

45	AE.22112	Xây gạch không nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày <= 11cm, chiều cao <= 6m, vữa XM PCB30, cát mịn 1,5-2. M50	m3	2,2314	928.409,	497.800,	9.591,	2.071.651,8	1.110.790,9	21.401,4
		Trục 2: (4,96+0,26)*0,11*2,7 = 1,5503								
		Tường sênô: (7,94+9,75)*0,11*0,35 = 0,6811								
46	AE.22212	Xây gạch không nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày <= 33cm, chiều cao <= 6m, vữa XM PCB30, cát mịn 1,5-2. M50	m3	18,2349	869.449,	427.060,	10.490,	15.854.315,6	7.787.396,4	191.284,1
		Xung quanh: (8,09+6,5-2,58)*2*0,22*2,7 = 14,2679								
		Trục B: (1,5+1,5)*0,22*2,7 = 1,782								
		Trục 1*+2: 2*(1,39-0,11)*0,22*2,7 = 1,5206								
		Trừ cửa:								
		ĐW: -2*0,75*2,2*0,22 = -0,726								
		OT1: -4*2,2*0,22*0,55 = -1,0648								
		OT2: -2*(1,39+0,26)*0,22*0,55 = -0,3993								
		Trừ lanh tô:								
		LT1: -2*1,05*0,22*0,1 = -0,0462								
		Thu hồi:								
		2*6,5*0,22*(1,5-0,1+0,15)/2 = 2,2165								

		Từ phần ốp gạch:								
		-92,246								
55	AK.22123	Trát trụ, cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM PCB30 M75	m2	10,186	16.793,	147.892,	899,	171.053,5	1.506.427,9	9.157,2
		Má cửa:								
		ĐW: $2*(0,75+2*2,2)*0,22 = 2,266$								
		OT1: $4*(2,2+0,55)*2*0,22 = 4,84$								
		OT2: $2*(1,65+0,55)*2*0,22 = 1,936$								
		Cửa thăm: $2*(0,8+2*0,9)*0,22 = 1,144$								
56	SB.61523	Trát, đắp phào kép, vữa XM M75, PCB30	m	50,07	13.214,	82.478,		661.625,	4.129.673,5	0,
		Tường sênô: $(7,94+9,75)*2 = 35,38$								
		TH1: $2*7,345 = 14,69$								
57	AK.84222	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	38,36	32.571,	17.292,		1.249.423,6	663.321,1	0,
		Tường trong:								
		28,174								
		Má cửa:								
		10,186								
58	AK.84224	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	99,7498						

		$2*4,1*6,5 = 53,3$								
		Qua cửa:								
		$\text{ĐW}: 2*0,75*0,22 = 0,33$								
61	AK.51250	Lát nền, sàn gạch bê tông giả đá, kích thước gạch $\leq 0,16\text{m}^2$, vữa XM PCB30 M75	m2	2,322	135.952,	42.661,	977,	315.680,5	99.058,8	2.268,6
		$\text{Đường lên}: 2,58*0,9 = 2,322$								
62	AK.31120	Công tác ốp gạch thẻ vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,06\text{m}^2$, vữa XM PCB30 M75	m2	4,7583	116.083,	119.451,	5.583,	552.357,7	568.383,7	26.565,6
		Bồn hoa: $2*(2,865+2*0,9)*(0,4+0,11) = 4,7583$								
63	2202/2025	Cửa đi nhôm Việt Pháp bao gồm cả lắp dựng	m2	3,3	1.200.000,			3.960.000,	0,	0,
		$\text{ĐW}: 2*0,75*2,2 = 3,3$								
64	2202/2025	Khóa cửa đi 1 cánh	bộ	2,	400.000,			800.000,	0,	0,
65	2202/2025	Cửa chớp nhôm Việt Pháp bao gồm cả lắp dựng		1,44	1.200.000,			1.728.000,	0,	0,
		$2*0,8*0,9 = 1,44$								
66	2202/2025	Vách compact khu WC bao gồm cả công lắp dựng	m2	64,772	1.382.000,			89.514.904,	0,	0,
		$13*1,5*2 = 39$								

